TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DS-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2020
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thanh Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**
2. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Quỳnh Trang.**

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77B/2020/QĐST - DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn T**

Địa chỉ: Lầu 8, 226-228 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn K – Chức vụ: Phó phòng giao dịch (theo Giấy ủy quyền số 3903/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Giấy ủy quyền số 123/2020/UQ-CNĐN ngày 03/8/2020 của ông Hoàng Thanh H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại Đà Nẵng)**.** Địa chỉ chi nhánh: 130A-130-132 Bạch Đ, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.(Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Thái Thị B** – sinh năm: 1972. Hộ khẩu thường trú: 20 Phan Bội C, phường Thạch T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 15/8/2015, bà Thái Thị B có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà B, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Từ ngày kích hoạt thẻ 31/8/2015 đến ngày 30/11/2016, bà B đã nhiều lần thực hiện các giao dịch với tổng số tiền giao dịch gốc là 29.400.000đồng, bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.599.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/12/2016 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/3/2020, bà B còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 16.112.316đồng; Lãi quá hạn: 20.975.731đồng; Tổng cộng: 37.088.047đồng, lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 26/3/2020 cho đến khi bà B trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà B thanh toán, tuy nhiên bà B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Thái Thị B đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà B đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Biên bản xác minh tại Công an phường Thạch T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng: bị đơn là bà Thái Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 20 Phan Bội C, phường Thạch T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bà B đi khỏi địa phương từ tháng 3/2020, hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ trên, đi đâu, làm gì địa phương không biết. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà B vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Thái Thị B.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 15/8/2015, bà Thái Thị B đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng). Hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn T yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị B phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 16.112.316đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 31/12/2016 đến ngày 25/3/2020 là 20.975.731đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 37.088.047đồng, lãi tiếp tục tính đến khi bà B thanh toán hết số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 15/8/2015.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà B vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện bà B có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/8/2015 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và số nợ như Ngân hàng yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Từ 31/12/2016 cho đến nay bà B không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 23 trong Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T mà bà B đã ký kết với Ngân hàng ngày 15/8/2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà B phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 16.112.316đồng (Mười sáu triệu một trăm mười hai ngàn ba trăm mười sáu đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 25/3/2020 là 20.975.731đồng (Hai mươi triệu chín trăm bảy lăm ngàn bảy trăm ba mốt đồng), tổng cộng tiền gốc và lãi là 37.088.047đồng (Ba mươi bảy triệu không tăm tám tám ngàn không trăm bốn bảy đồng), lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 26/3/2020 đến khi bà B thanh toán hết số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 15/8/2015, như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Thái Thị B phải chịu theo qui định của pháp luật là: 37.088.047đồng x 5% = 1.854.402đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án

như sau: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên toà; Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; - Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với bà Thái Thị B.

Xử:

1. Buộc bà Thái Thị B phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền nợ gốc:16.112.316đồng *(Mười sáu triệu một trăm mười hai ngàn ba trăm mười sáu đồng)*, nợ lãi: 20.975.731đồng *(Hai mươi triệu chín trăm bảy lăm ngàn bảy trăm ba mốt đồng)*, tổng cộng: 37.088.047đồng *(Ba mươi bảy triệu không tăm tám tám ngàn không trăm bốn bảy đồng)*.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 26/3/2020 đến khi bà B thanh toán hết số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 15/8/2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Thái Thị B phải chịu là: 1.854.402đồng *(Một triệu tám trăm năm bốn ngàn bốn trăm lẻ hai đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 927.201đồng *(Chín trăm hai bảy ngàn hai trăm lẻ một đồng)* theo biên lai thu số 2040 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *CCTHADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh